

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TNA TOÀN CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TNA TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNA GLOBAL SERVICES AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108230506

**3. Ngày thành lập:** 03/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5, Ngách 193/192 Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4520     |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9521     |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752     |
| 4.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4753     |
| 5.  | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4764     |
| 6.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh các lĩnh vực tem, súng đạn, tiền kim khí, vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4773     |
| 7.  | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8219     |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4711     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9529 |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710 |
| 11. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7730 |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4659 |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại                                                                                                                                                                                                                                                             | 4719 |
| 14. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8121 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4322 |
| 16. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9512 |
| 17. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Dịch vụ Massage                                                                                                                                                                                                                                                             | 9610 |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4633 |
| 19. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4634 |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4653 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 23. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4723 |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4722 |
| 25. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4730 |
| 26. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4742 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                      | 4759 |
| 28. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4761 |
| 29. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4762 |
| 30. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4763 |

|     |                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                      | 4771 |
| 32. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                             | 5510 |
| 33. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                      | 5610 |
| 34. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới và quản lý bất động sản; (trừ hoạt động Nhà nước cấm)                                         | 6820 |
| 35. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                | 7320 |
| 36. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                 | 7912 |
| 37. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                   | 6311 |
| 38. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                        | 4329 |
| 39. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                  | 4641 |
| 40. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                     | 4649 |
| 41. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                   | 4651 |
| 42. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                        | 6619 |
| 43. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới (Trừ môi giới chứng khoán và môi giới bảo hiểm)                                                                                               | 4610 |
| 44. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                          | 4631 |
| 45. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột... | 4632 |
| 46. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                     | 4721 |
| 47. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4741 |
| 48. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                         | 5621 |
| 49. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                  | 5629 |
| 50. | Xuất bản phần mềm<br>(Không bao gồm hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                          | 5820 |
| 51. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                       | 6209 |
| 52. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                        | 7410 |

|     |                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 53. | Cổng thông tin<br>( trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                       | 6312        |
| 54. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; | 6329        |
| 55. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                     | 7920        |
| 56. | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                           | 8129        |
| 57. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                        | 8230        |
| 58. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                              | 8299        |
| 59. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;                            | 9329        |
| 60. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                | 4312        |
| 61. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                            | 4321        |
| 62. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                   | 4330        |
| 63. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác)                               | 4530        |
| 64. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                              | 4724        |
| 65. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                            | 7310        |
| 66. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                   | 7911        |
| 67. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                              | 9522        |
| 68. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                                                                                                                            | 9523        |
| 69. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                            | 9524        |
| 70. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                   | 9620        |
| 71. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4772        |
| 72. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                            | 6201        |
| 73. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                              | 6202(Chính) |
| 74. | Phá dỡ                                                                                                                                                                           | 4311        |
| 75. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                    | 4513        |
| 76. | In ấn                                                                                                                                                                            | 1811        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038184000356

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 14 Gia Ngư, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 5, Ngách 193/192 Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 19/09/1984

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038184000356

Ngày cấp: 13/03/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 14 Gia Ngư, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 5, Ngách 193/192 Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội